

NHỮNG THUẬN LỢI, KHÓ KHĂN, THÁCH THỨC VÀ GIẢI PHÁP ĐỂ VIỆT NAM ĐẠT MỨC TĂNG TRƯỞNG 8% NĂM 2025

TS. Vũ Thị Hằng Nga* - GS.TS. Ngô Thế Chi*

Tăng trưởng kinh tế cao, bền vững là mục tiêu cơ bản và là mong muốn của tất cả các quốc gia trên thế giới. Bài viết này, phân tích những thuận lợi, khó khăn, thách thức và đề Việt Nam đạt mức tăng trưởng kinh tế 8% trở lên năm 2025. Từ đó, đề xuất giải pháp phát huy những thuận lợi và khắc phục những khó khăn nhằm đạt được mức tăng trưởng mà Chính phủ đã đề ra cho năm 2025.

• Từ khóa: tăng trưởng kinh tế; thuận lợi, khó khăn, thách thức; tăng trưởng kinh tế cao.

High and sustainable economic growth is the basic goal and desire of all countries in the world. This article analyzes the advantages, difficulties and challenges for Vietnam to achieve an economic growth rate of 8% or more by 2025. From there, propose solutions to promote the advantages and overcome the difficulties to achieve the growth rate set by the Government for 2025.

• Key words: economic growth; advantages, difficulties, challenges; high economic growth.

Ngày gửi bài: 19/6/2025

Ngày gửi phản biện: 30/6/2025

Ngày nhận kết quả và sửa phản biện: 02/7/2025

Ngày chấp nhận đăng: 28/7/2025

DOI: <https://doi.org/10.71374/jfar.v25.i293.01>

1. Giới thiệu

Trong mấy năm gần đây, kinh tế Việt Nam đã có bước phát triển ổn định theo chiều hướng tích cực. Năm 2024, mặc dù kinh tế thế giới gặp nhiều khó khăn do chiến tranh thương mại Mỹ - Trung cùng với xung đột quân sự Nga - Ukraina... và biến động khí hậu, kinh tế Việt Nam vẫn có mức tăng trưởng tốt (7,09%). Bước sang năm 2025, tình hình kinh tế, chính trị thế giới vẫn diễn biến phức tạp, khó lường; kinh tế suy giảm, đặc biệt là từ khi Mỹ áp thuế suất cao đối với tất cả các quốc gia trên thế giới, trong đó có Trung Quốc - một nước láng giềng bên cạnh Việt Nam - quốc gia là thị trường lớn của Việt Nam về xuất, nhập khẩu và ngay cả Việt Nam cũng bị áp thuế 46%... Điều đó, gây áp lực lớn cho tăng trưởng kinh tế trong năm 2025 và những năm tiếp theo. Song, với tham vọng lớn và quyết tâm cao, Chính phủ Việt Nam đã xác định năm 2025 là một năm bản lề trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội của

đất nước và đã đặt ra mục tiêu tăng trưởng 8% trở lên. Đây là chỉ tiêu rất cao, thể hiện quyết tâm mạnh mẽ trong việc bứt phá trong giai đoạn có quá nhiều biến động của nền kinh tế, chính trị toàn cầu và quá trình thực hiện kỷ nguyên vươn mình của dân tộc. Bài viết, tập trung phân tích những thuận lợi, những khó khăn, thách thức và đề xuất giải pháp chủ yếu trong việc thực hiện mục tiêu tăng trưởng mà Chính phủ đã đề ra cho năm 2025.

2. Thuận lợi

Trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội trước bối cảnh hội nhập ngày càng sâu, thực hiện nền kinh tế có độ mở cao, kinh tế Việt Nam có nhiều thuận lợi cho tăng trưởng kinh tế với tốc độ cao. Thể hiện trên một số điểm sau đây:

Thứ nhất, sự ổn định chính trị, xã hội: Việt Nam có một chính Đảng lãnh đạo, luôn quan tâm đến sự phát triển kinh tế và đời sống của người dân; các chính sách kinh tế vĩ mô thường được xây dựng và đổi mới phù hợp với tiến trình phát triển trong từng thời kỳ; chính sách hỗ trợ từ Nhà nước như: chính sách ưu đãi về thuế, chính sách đầu tư, thu hút FDI, chính sách an sinh xã hội, xóa đói giảm nghèo; phát triển cơ sở hạ tầng; chính sách phát triển kinh tế tư nhân; khuyến khích hệ thống doanh nghiệp phát triển khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo theo tinh thần Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, là điều kiện tiên quyết, là thời cơ có một không hai để Việt Nam phát triển giàu mạnh trong kỷ nguyên mới - Kỷ nguyên vươn mình của dân tộc. Các chính sách này đã tạo được niềm tin cho cộng đồng doanh nghiệp, các nhà đầu tư trong và ngoài nước cũng như người dân cả nước, góp phần quan trọng trong việc tạo động lực cho việc

* Học viện Tài chính

khắc phục khó khăn, thách thức để đạt được mục tiêu tăng trưởng.

Thứ hai, Việt Nam là một quốc gia nằm trên bán đảo Đông Dương, khu vực Đông Nam Á, ven biển Thái Bình dương, có đường biên giới trên đất liền dài 4.550 km, tiếp giáp với Trung Quốc ở phía Bắc, với Lào, Campuchia ở phía Tây và với biển Đông ở phía Đông. Đây là một vị trí rất thuận lợi cho giao thương quốc tế; gần các thị trường lớn như Trung Quốc, ASEAN...

Thứ ba, Việt Nam có nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú, có nhiều mỏ khoáng sản có trữ lượng lớn: như có 200 mỏ vàng gốc, trong đó có khoảng 50 mỏ vàng được đánh giá là có triển vọng khai thác; mỏ đất hiếm có trữ lượng lớn, ước tính khoảng 3,5 triệu tấn, đứng thứ hai sau Trung Quốc; có 39 mỏ và cụm mỏ dầu khí đang được khai thác cùng với 5 mỏ lớn đang được phát triển; trữ lượng dầu khoảng 4,4 tỷ thùng dầu mỏ, xếp thứ 28 trên thế giới về trữ lượng khai thác; trữ lượng khí thiên nhiên ước tính khoảng 23,8 tỷ m³... tạo nền tảng cho công nghiệp khai khoáng phát triển; có nền nông nghiệp ngày càng phát triển, có khả năng sản xuất các sản phẩm nông nghiệp xanh phục vụ cho xuất khẩu mang lại ngoại tệ...

Thứ tư, có nguồn lao động trẻ dồi dào, giá thấp. Tính đến năm 2024, lực lượng lao động ở Việt Nam từ 15 tuổi trở lên đạt khoảng 53 triệu người, trong đó lao động có việc làm là 51,9 triệu người, tăng 585,1 nghìn người so với năm 2023; được sự quan tâm lớn của Nhà nước trong việc đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao.

3. Khó khăn, thách thức

Bên cạnh những thuận lợi kể trên, còn nhiều khó khăn, thách thức, cụ thể là:

Thứ nhất, cạnh tranh ngày càng gay gắt giữa các nước trong khu vực và trên thế giới. Thể hiện ở chỗ mỗi quốc gia đều đưa ra những chiến lược mạnh mẽ để vượt lên các đối thủ trong nhiều lĩnh vực: như thu hút FDI, xuất, nhập khẩu lĩnh vực công nghệ cao, đặc biệt là trí tuệ nhân tạo, khai thác tài nguyên, khoáng sản... Đặc biệt, trong bối cảnh Mỹ áp thuế rất cao đối với tất cả các đối tác trên thế giới, trong đó Việt Nam là 46% sau thời gian 90 ngày nữa.

Thứ hai, khó khăn về hạ tầng giao thông và sự thiếu đồng bộ của hệ thống này, thể hiện ở chỗ chất lượng cơ sở hạ tầng thấp, hệ thống cầu, đường xuống cấp, hư hỏng nhiều, gây mất an toàn và ảnh hưởng lưu thông, gây tắc nghẽn; thiếu hệ thống giao thông công cộng hiệu quả, xe buýt, tàu tiện ngầm, tàu điện

trên cao chưa có sự phát triển đồng bộ, chưa đáp ứng được nhu cầu vận chuyển hàng hóa cũng như nhu cầu đi lại của người dân; quy hoạch đô thị chưa hợp lý, thiếu tầm nhìn dài hạn, dẫn đến tình trạng đường xá hẹp, thiếu bãi đỗ xe, nhất là các thành phố lớn, gây tình trạng tắc nghẽn giao thông, hệ thống cấp thoát nước không đầy đủ, thường xuyên xảy ra tình trạng ngập mỗi khi có mưa lớn. Tại các vùng núi, mỗi khi có mưa bão lớn, tình trạng sạt lở đất làm cản trở giao thông, thiệt hại nghiêm trọng về tài sản và con người.

Thứ ba, dịch vụ logistics chưa phát triển, thiếu liên kết giữa các doanh nghiệp; các doanh nghiệp logistics chủ yếu là các DNNVV, thiếu sự phối hợp; chưa có sự kết nối chặt chẽ giữa hệ thống đường bộ, đường sắt, cảng biển, gây chậm trễ và tăng chi phí; khó có thể cạnh tranh với các tập đoàn nước ngoài; nguồn nhân lực chất lượng cao của ngành dịch vụ này còn rất hạn chế, đặc biệt là rất thiếu các chuyên gia logistics có kinh nghiệm quốc tế; các doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn khi làm các thủ tục hải quan, xuất nhập khẩu, bởi các thủ tục hành chính còn rườm rà, chậm đổi mới.

Thứ tư, ngành năng lượng hiện đang gặp khó khăn và thách thức lớn, bởi kinh tế càng phát triển thì nhu cầu tiêu thụ điện ngày càng tăng, trong khi đó sản lượng điện chủ yếu phụ thuộc vào than và thủy điện, thì nguồn than trong nước ngày càng khan hiếm, không đủ cung cấp cho nhiệt điện; mùa khô, hạn thì nguồn nước không cấp đủ cho thủy điện. Hạ tầng ngành điện chưa đồng bộ; lưới điện quá tải và còn lạc hậu, gây thất thoát lớn; thiếu hệ thống truyền tải cho năng lượng tái tạo; nhiều dự án điện mặt trời, điện gió không đủ đường dây truyền tải để hòa điện lưới quốc gia. Chính sách và quy hoạch hệ thống điện còn nhiều bất cập, thiếu nhất quán và chậm cập nhật; việc chậm phê duyệt Quy hoạch điện VIII ảnh hưởng không ít đến tiến độ đầu tư các dự án năng lượng; cơ chế giá điện chưa hấp dẫn đối với nhà đầu tư; giá mua điện, đặc biệt là điện tái tạo chưa minh bạch và thiếu ổn định, ảnh hưởng đến thu hút các nhà đầu tư trong lĩnh vực này. Mặt khác, việc chuyển đổi năng lượng hóa thạch sang năng lượng sạch còn rất phức tạp bởi cần phải có lượng vốn lớn, công nghệ cao và lộ trình rõ ràng để phát triển năng lượng tái tạo và đảm bảo an ninh quốc gia.

Thứ năm, biến đổi khí hậu và ô nhiễm môi trường ngày càng gia tăng. Các hiện tượng thời tiết cực đoan như hạn hán, xâm nhập mặn, bão lũ, sạt lở đất, nước biển dâng đang ngày càng gia tăng cả về tần suất và mức độ ảnh hưởng nghiêm trọng đến

hàng triệu người dân và ngành nông nghiệp của Việt Nam. Tình trạng ô nhiễm không khí ở các thành phố lớn ngày càng trầm trọng, nhất là các thành phố lớn như Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh thường xuyên ghi nhận hệ số bụi mịn cao, vượt ngưỡng cho phép, bởi chủ yếu là số lượng xe dùng xăng quá lớn, tắc đường thường xuyên, công trình xây dựng, sửa chữa gia tăng gây ra... tình trạng ô nhiễm nước tại các sông, ngòi, kênh rạch, ao hồ ở nhiều đô thị và khu dân cư bị ô nhiễm nặng do xả thải sinh hoạt và chưa có hệ thống xử lý; tình trạng ô nhiễm đất do sử dụng bừa bãi hóa chất nông nghiệp; ô nhiễm rác nhựa thải ngày càng gia tăng...

Thứ sáu, tăng trưởng phụ thuộc chủ yếu vào XK và FDI. Trong tổng kim ngạch xuất khẩu năm 2024 của Việt Nam là 405,3 tỷ USD, thì Việt Nam chỉ đạt 113,5 tỷ USD (chiếm 28%) mặc dù đã tăng hơn năm trước (năm 2023 đạt 26,90%), còn các của các doanh nghiệp FDI là 291,1 tỷ USD (chiếm 72%). Điều này, khi thị trường quốc tế có biến động lớn sẽ gây ra nhiều rủi ro cho nền kinh tế.

Thứ bảy, hệ thống doanh nghiệp Việt Nam chủ yếu là DNNVV (chiếm tới 96%), khả năng tài chính hạn hẹp, công nghệ lạc hậu, trình độ quản lý, quản trị yếu kém, ít có điều kiện đầu tư và nghiên cứu phát triển (R&D), do đó cũng không tạo được động lực phát triển khoa học, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, bởi vậy rất khó tăng trưởng cao.

Thứ tám, chất lượng lao động của Việt Nam còn thấp, thiếu kỹ năng, công nghệ, trình độ ngoại ngữ hạn chế, ảnh hưởng đến năng suất lao động. Theo số liệu từ Tổ chức Lao động quốc tế (ILO), năng suất lao động của Việt Nam thấp hơn đáng kể so với các nước trong khu vực như: Singapore, Malaysia và Thái Lan... Cụ thể là năm 2023, đạt khoảng 199,3 triệu đồng/một lao động (tương đương khoảng 8.380 USD. Tuy có tăng trưởng nhưng vẫn thấp hơn nhiều so với các nước trong khu vực ASEAN. Theo số liệu năm 2022 tính theo ngang giá sức mua của năm 2017, NSLĐ của Việt Nam chỉ bằng 11,14% so với Singapore, 35,4% so với Malaysia và 64,8% so với Thái Lan. Năm 2024, tăng lên đạt 221,9 triệu đồng (tương đương 9.182 USD theo giá hiện hành, tăng 802 USD so với 2023 và là mức cao nhất kể từ năm 2020).

Từ sự phân tích những thuận lợi, khó khăn, thách thức của Việt Nam để đạt được mục tiêu tăng trưởng kinh tế năm 2025 là 8% trở lên, cần có sự quyết tâm rất lớn của tất cả các ngành, các lĩnh vực trong nền kinh tế. Dưới đây, tác giả đề xuất một số giải pháp chủ yếu.

4. Giải pháp chủ yếu để đạt mức tăng trưởng kinh tế trên 8% năm 2025

Một là, tiếp tục hoàn thiện thể chế, pháp luật trên cơ sở rà soát các văn bản pháp luật để kịp thời chỉnh sửa, bổ sung cho phù hợp với tình hình mới; cải cách thể chế và nâng cao hiệu quả, hiệu lực quản lý nhà nước; xây dựng hệ thống pháp luật minh bạch, công khai; sửa đổi, hoàn thiện pháp luật về thuế, về đất đai, về đầu tư công, hợp tác công tư; đảm bảo tính ổn định của chính sách, tránh thay đổi liên tục gây khó khăn cho doanh nghiệp và người dân để đảm bảo thuận lợi tối đa; thực hiện tinh gọn bộ máy, hoạt động hiệu lực, hiệu quả theo tinh thần Nghị quyết 18-NQ/TW ban hành ngày 25/10/2017 tại Hội nghị Trung ương 6 khóa XII; cải cách hành chính mạnh mẽ, tránh phiền hà cho nhà đầu tư, doanh nghiệp và người dân; nâng cao trách nhiệm giải trình; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra và phòng, chống tham nhũng, lãng phí, áp dụng công nghệ hiện đại trong giám sát, kiểm tra quyền lực nhằm tạo niềm tin cho doanh nghiệp và người dân; giảm đầu mối, giảm cấp trung gian, giảm số lượng cấp phó, khắc phục tình trạng chồng chéo chức năng, nhiệm vụ giữa các cơ quan; phân cấp mạnh cho địa phương, đi đôi với kiểm tra giám sát của các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, đảm bảo quyền tiếp cận thông tin của xã hội...

Hai là, tăng cường đầu tư cho cơ sở hạ tầng trên cơ sở huy động đa dạng nguồn vốn đầu tư; đẩy mạnh thu hút đầu tư tư nhân và đầu tư nước ngoài; xã hội hóa đầu tư hạ tầng; cải cách thủ tục đầu tư và quy trình phê duyệt dự án nhằm rút ngắn thời gian thẩm định, phê duyệt và giải ngân các dự án hạ tầng; phát triển giao thông, cảng biển, sân bay, logistics hiện đại; tăng cường đầu tư hạ tầng số: 5G, Bigdata, điện toán đám mây; tăng cường đầu tư công hiệu quả, tránh đầu tư dàn trải và thất thoát.

Ba là, thu hút và sử dụng hiệu quả FDI và nguồn vốn trong nước: cải thiện môi trường đầu tư, giảm thủ tục hành chính và chi phí không chính thức để thuận lợi cho các nhà đầu tư nhằm khuyến khích đầu tư; ưu tiên thu hút FDI chất lượng cao, chuyển giao công nghệ, các dự án có công nghệ cao; hỗ trợ doanh nghiệp tư nhân phát triển về quy mô, nâng cao năng lực cạnh tranh.

Bốn là, phát triển nhanh dịch vụ logistics cả về quy mô doanh nghiệp và chất lượng dịch vụ, tăng cường kết nối liên vùng và liên vùng, tạo hành lang logistics thông suốt từ sản xuất đến tiêu dùng; sử dụng công nghệ hiện đại trong quản lý chuỗi cung

ứng như AI, LoT, blockchain; xây dựng nền tảng số dùng chung, giúp cho việc kết nối các bên trong chuỗi cung ứng; đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho ngành dịch vụ này; các doanh nghiệp cần kết hợp với các cơ sở đào tạo, các tổ chức quốc tế có uy tín để đào tạo đội ngũ nhân sự có trình độ chuyên môn cao và có kỹ năng vận dụng lý thuyết vào làm việc thực tế. Trước mắt, Nhà nước cần có chính sách ưu đãi thuế, đất đai, chính sách tín dụng cho các doanh nghiệp đầu tư trung tâm logistics, kho bãi, các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực logistics; phát triển hệ sinh thái logistics toàn diện, kết nối các dịch vụ vận tải, kho bãi, phân phối, giao nhận thành chuỗi tích hợp; thúc đẩy mô hình logictichs xanh, bền vững và thân thiện với môi trường.

Năm là, phát triển khoa học, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Để thực hiện được giải pháp này, cần tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách để khuyến khích và hỗ trợ, huy động mọi nguồn lực xã hội đầu tư cho các hoạt động nghiên cứu, phát triển và ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo; ban hành chính sách ưu đãi thuế, tín dụng và đất đai nhằm khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nghiên cứu, phát triển và ứng dụng công nghệ mới; tăng cường đầu tư và phát triển hạ tầng khoa học, công nghệ; bảo đảm sự cân đối, bố trí nguồn lực thỏa đáng cho đầu tư phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; đầu tư hạ tầng số, xây dựng hạ tầng công nghệ thông tin hiện đại, đảm bảo an toàn, an ninh mạng và khả năng kết nối cao; phát triển các nền tảng số quốc gia, tạo điều kiện cho việc chia sẻ và khai thác dữ liệu một cách hiệu quả; đa dạng hóa nguồn đầu tư cho khoa học và công nghệ từ nguồn ngoài ngân sách Nhà nước cho hoạt động nghiên cứu ứng dụng, đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp, chuyển giao phục vụ phát triển đồng bộ của các lĩnh vực, các ngành; phát triển thị trường khoa học công nghệ, khuyến khích đổi mới sáng tạo; tăng cường chuyển đổi số phục vụ phát triển kinh tế - xã hội phát triển nguồn nhân lực khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và nguồn nhân lực phục vụ chuyển đổi số đủ về số lượng và nâng cao về chất lượng; xây dựng, quản lý nhân lực KHCN, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số phù hợp với giai đoạn phát triển kinh tế - xã hội trong bối cảnh hội nhập quốc tế và công nghệ số; xây dựng chính sách đào tạo, sử dụng, thu hút, đãi ngộ, tôn vinh đội ngũ cán bộ khoa học công nghệ, nhất là những chuyên gia hàng đầu có nhiều đóng góp cho sự nghiệp phát triển KHCN, ĐMST và chuyển đổi số.

Sáu là, mở rộng và đa dạng hóa thị trường và mặt hàng xuất khẩu, tránh phụ thuộc vào các thị trường truyền thống như Mỹ, Trung Quốc, EU bằng cách hỗ trợ các doanh nghiệp phát triển thị trường, mở rộng sang các thị trường tiềm năng; Trung Đông, châu Phi, Nam Mỹ... tăng cường khai thác các hiệp định thương mại tự do (FTA) đã ký; đẩy mạnh xúc tiến thương mại, tăng cường sản xuất, chế biến và xuất khẩu các mặt hàng chế biến sâu, có hàm lượng công nghệ cao, sản phẩm xanh, có giá trị gia tăng cao; xây dựng thương hiệu quốc gia; hỗ trợ DNNVV tham gia các chuỗi giá trị toàn cầu.

Bảy là, phát triển xanh và bền vững: để thực hiện giải pháp này, cần tăng cường sử dụng năng lượng tái tạo, áp dụng công nghệ sạch trong sản xuất và sinh hoạt, giảm đến mức thấp nhất năng lượng hóa thạch; quản lý hiệu quả và tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên; áp dụng mô hình nông, lâm nghiệp tiên tiến, hiện đại, bền vững; giảm thiểu ô nhiễm và phát thải thông qua việc thường xuyên kiểm soát khí thải công nghiệp và giao thông; thực hiện quy trình xử lý chất thải rắn, nước thải và chất thải nguy hại đúng quy chuẩn; áp dụng mô hình kinh tế tuần hoàn nhằm giảm lượng chất thải; thực hiện các giải pháp phát triển kinh tế gắn với bảo vệ môi trường; khuyến khích các doanh nghiệp phát triển xanh thông qua cơ chế ưu đãi tài chính; tăng cường giám sát và xử lý những hiện tượng vi phạm môi trường.

5. Kết luận

Để đạt được mục tiêu tăng trưởng kinh tế 8% năm 2025, Việt Nam cần phát huy tối đa những thuận lợi về chính trị xã hội, kinh tế vĩ mô ổn định, vị thế kinh tế ngày càng tăng cao trên trường quốc tế, vị trí địa lý thuận lợi, nguồn tài nguyên thiên nhiên dồi dào, nguồn nhân lực trẻ, giá rẻ. Song, những khó khăn, thách thức vẫn còn rất lớn, đặc biệt là mức độ rủi ro của kinh tế thế giới, khi Mỹ áp mức thuế cao cho tất cả các nền kinh tế trên thế giới; cơ sở hạ tầng chưa phát triển đồng bộ, công nghệ sản xuất chưa tiên tiến, năng suất lao động chưa cao; môi trường ô nhiễm, biến đổi khí hậu gia tăng. Việc cân đối giữa tăng trưởng nhanh và bền vững đòi hỏi phải có sự chỉ đạo sát sao từ phía các cơ quan Nhà nước, hệ thống doanh nghiệp và người dân.

Tài liệu tham khảo:

- Baochinphu.vn/kinh-te.html, cập nhật ngày 13/4/2025 bài: Ưu tiên thúc đẩy mạnh mẽ tăng trưởng, kiên định mục tiêu tăng trưởng GDP năm 2025 từ 8% trở lên.
 Baochinphu.vn/thu-tuong-thao-go-bang-het-nhung-kho-khan-vuong-mac-ve-the-che-cap ngày 13/4/2025
 Nghị Quyết 18-NQ/TW ban hành ngày 25/10/2017 tại Hội nghị Trung ương 6 khóa XII;
 Nghị quyết 57-NQ/TW về đột phá phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.
 Thanhnien.vn/kinh-phu-kien-dinh-muc-tieu-tang-truong-tren-8-185250412080442405.html